TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/KDTM-ST
Ngày: 13/3/2026
Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại đã thụ lý số: 130/2025/TLST- KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXX-KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q (V); trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Thanh T, bà Đặng Thị Bích T1, ông Nguyễn Minh T2, ông Trần Quốc B; cùng địa chỉ: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt bà T1, vắng mặt ông B, ông T2, bà T.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên S; địa chỉ trụ sở: số A, tổ D, Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trinh H, sinh năm 1973, chức vụ: Chủ tịch Công ty K, giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên S vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (V), theo các hợp đồng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021 ("HĐTD") và theo Hợp đồng thế chấp số 6263138.21 ngày 12/01/2021 ("HĐTC")

Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2509122.21 ngày 14/01/2021 với nội dung: VIB cho Công ty TNHH Một thành viên S vay số tiền 380.000.000 đồng; Mục đích vay vốn: Mua xe ô tô; Thời hạn vay: 72 tháng. Lãi suất vay tại thời điểm giải ngân: 9,6%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả gốc hàng tháng vào ngày 25, mỗi tháng trả 5.280.000 đồng, tháng cuối trả hết số tiền còn lại. Ngày trả lãi hàng tháng vào ngày 25, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 25/02/2021. Trả phí theo quy định của V từng thời kỳ.

Hợp đồng thế chấp số 6263138.21 ngày 12/01/2021. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 14/01/2021, V đã giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên S với số tiền 380.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 2509122.21 ngày 14/01/2021 theo đúng yêu cầu của Công ty TNHH Một thành viên S và phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH Một thành viên S đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 11/08/2025, Công ty TNHH Một thành viên S chỉ trả được 221.986.504 đồng tiền gốc và tiền lãi là 123.135.078 đồng. Mặc dù V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng Công ty TNHH Một thành viên S vẫn chây ỳ, không trả nợ. Khoản nợ của Công ty TNHH Một thành viên S đã chuyển sang quá hạn từ ngày 26/08/2024.

Tính đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 13/3/2026, Công ty TNHH Một thành viên S còn nợ V với tổng số tiền là 215.193.570 đồng bao gồm nợ gốc: 158.013.496 đồng; nợ lãi trong hạn: 21.495.945 đồng; nợ lãi quá hạn: 35.684.129 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP Q (V) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc Công ty TNHH Một thành viên S phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (13/3/2026) là: 215.193.570 đồng bao gồm nợ gốc: 158.013.496 đồng; nợ lãi trong hạn: 21.495.945 đồng; nợ lãi quá hạn: 35.684.129 đồng

2. Công ty TNHH Một thành viên S còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại hợp đồng tín dụng (HĐTD) và hợp đồng thế chấp (HĐTC).

3. Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Công ty TNHH Một thành viên S không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB có quyền đề nghị cơ

quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của Công ty TNHH Một thành viên S đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho V (xem chi tiết tại hợp đồng thế chấp số 6263138.21 ngày 12/01/2021).

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả Khoản nợ của Công ty TNHH Một thành viên S với V. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết Khoản nợ thì Công ty TNHH Một thành viên S vẫn phải có nghĩa vụ trả hết Khoản nợ còn lại cho V.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 2509122.21 ngày 14/01/2021; Hợp đồng thế chấp số 6263138.21 ngày 12/01/2021;Đơn yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021; Giấy tờ pháp lý của Người bị kiện là Công ty TNHH Một thành viên S; Giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật Công ty là ông Nguyễn Trinh H; Hồ sơ pháp lý của V và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Công ty TNHH Một thành viên S không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, Kiểm sát viên không kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP Q (V) khởi kiện buộc Công ty Một thành viên S; địa chỉ trụ sở: số A, tổ D, Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu thanh toán tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Xét, đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh

theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Công ty Một thành viên S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và tại phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[4] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng Công ty Một thành viên S không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Q (V). Xét thấy, việc bị đơn không thanh toán tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2509122.21 ngày 14/01/2021 và thế chấp xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021) là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của Ngân hàng về việc trả tiền nợ gốc 158.013.496 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu tính tiền lãi: Xét thấy, việc thỏa thuận thanh toán tiền lãi của các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100, Điều 200 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 11, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn (theo bảng kê chi tiết của Ngân hàng) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn Công ty Một thành viên S phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/3/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2509122.21 ngày 14/01/2021 và thế chấp ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021 là nợ lãi trong hạn: 21.495.945 đồng; nợ lãi quá hạn: 35.684.129 đồng

[6] Đối với tài sản thế chấp:

[6.1] Xét hợp đồng thế chấp tài sản:

Hợp đồng thế chấp số 6263138.21 ngày 12/01/2021. Tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78, Giấy chứng

nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021, tuy nhiên Công ty Một thành viên S vắng mặt không cung cấp xe nên Tòa án không thực hiện được.

Hợp đồng thế chấp trên giữa Ngân hàng TMCP Q (V) với Công ty Một thành viên S được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, Công ty Một thành viên S đã dùng tài sản là Xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021 theo Hợp đồng trên để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Nay Công ty Một thành viên S không thanh toán nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp Công ty Một thành viên S không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Như vậy, Công ty Một thành viên S phải thanh toán cho Ngân hàng nợ Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2509122.21 ngày 14/01/2021 và thế chấp xe ô tô nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021 tính đến ngày 13/03/2026 với tổng số tiền nợ còn lại 215.193.570 đồng, bao gồm nợ gốc: 158.013.496 đồng; nợ lãi trong hạn: 21.495.945 đồng; nợ lãi quá hạn: 35.684.129 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Các Điều 100 và Điều 200 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 147, Điều 157, Điều 180, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N.

- Thông tư số 42/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng N.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (V) về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn Công ty Một thành viên S.

Buộc Công ty Một thành viên S phải thanh toán cho Ngân hàng Q (V) số tiền 215.193.570 đồng (hai trăm mười lăm triệu, một trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi đồng) bao gồm nợ gốc: 158.013.496 đồng (một trăm năm mươi tám triệu, không trăm mười ba nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng); nợ lãi trong hạn: 21.495.945 đồng (hai mươi mốt triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn: 35.684.129 đồng (ba mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm hai mươi chín đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2509122.21 ngày 14/01/2021.

Kể từ ngày 14/3/2026 trở đi Công ty Một thành viên S còn phải trả các khoản tiền lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP Q (V) và Công ty Một thành viên S tại Hợp đồng tín dụng số 1252351.21 ngày 12/01/2021 và đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2509122.21 ngày 14/01/2021 của Ngân hàng TMCP Q (V) đã ký kết.

Trường hợp Công ty Một thành viên S không thanh toán hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP Q (V) thì Ngân hàng TMCP Q (V) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản và xử lý tài sản gồm:

01 xe ô tô Nhãn hiệu: SUZUKI, số loại: XL7 GLX AT, biển kiểm soát: 61A-885.78 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 61 000928 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 09/01/2021 cho Công ty Một thành viên S, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q (V) số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q (V) số tiền 4.685.463 đồng (bốn triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037169 ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Một thành viên S phải chịu 10.759.678 đồng (mười triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị T3